

Số: 31 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2014

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 1263
ĐẾN	Ngày: 02/3/15
	Chuyên:

Thực hiện Công văn số 8910/BKHĐT-QLĐT ngày 26/11/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2014; sau khi soát xét lại tình hình công tác đấu thầu năm qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2014 ở địa phương như sau:

1. Tình hình phổ biến, quán triệt việc thực hiện Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP

Tỉnh Quảng Ngãi thực hiện nghiêm túc Luật Đấu thầu năm 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản hướng dẫn khác của các Bộ, ngành Trung ương về đấu thầu.

Việc cung cấp thông tin đấu thầu thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT-BKH-BTC ngày 21/9/2010, Thông tư số 17/2010/TT-BKH ngày 22/7/2010 và các Văn bản số 8606/KHH-QLĐT ngày 01/12/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong giai đoạn chuyển tiếp, trong thời gian từ ngày 15/8/2014 đến khi Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT-BKH-BTC ngày 21/9/2010 có hiệu lực thi hành, việc cung cấp thông tin đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Công văn 5186/BKHĐT-QLĐT ngày 11/8/2014 của Bộ Kế hoạch Đầu tư. Các chủ đầu tư đều thực hiện nghiêm túc việc đăng tải thông tin trước khi mở thầu như: thông tin về kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu..., tuy nhiên việc đăng tải các thông tin sau khi có kết quả trúng thầu còn chưa thực hiện đầy đủ.

Trong năm qua, các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh cũng đã cử nhiều cán bộ tham gia tập huấn về công tác đấu thầu do các cơ quan trên địa bàn tỉnh phối hợp với các cơ sở đào tạo. Việc tập huấn đấu thầu cũng đã được các cơ quan quản lý, chủ đầu tư và nhà thầu quan tâm tham dự đông đảo. Tỉnh cũng cử đại diện các Sở, ngành tham gia các kỳ hội thảo về đấu thầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức. Năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp với Công ty cổ phần CFTD Sáng tạo và Cục Quản lý Đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng về Luật Đấu thầu 2013 và công tác đấu thầu qua mạng cho các cơ quan, đơn vị và chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh vào các ngày 24-28/9/2014.

2. Tình hình thực hiện phân cấp trong đấu thầu trước và sau khi Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP

- Trước khi Luật Đấu thầu 2013 có hiệu lực thi hành, việc phân cấp trong đấu thầu được thực hiện theo tinh thần của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Quốc hội khóa XII số 38/2009/QH12, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP và Nghị định số 68/2012/NĐ-CP ngày 12/9/2012 của Chính phủ.

Tỉnh Quảng Ngãi cũng đã ban hành quy định về phân cấp trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013. Trong văn bản này phân cấp cho các chủ đầu tư trong việc thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của Trung ương.

- Sau khi Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành việc phân cấp trong đấu thầu được thực hiện theo Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Tỉnh Quảng Ngãi cũng đang soạn thảo và sẽ ban hành trong thời gian tới quy định về phân cấp trong quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và phân cấp trong việc thực hiện công tác đấu thầu theo quy định mới thay thế cho Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Việc phân cấp trong đấu thầu đã làm tăng thêm tính tự chủ cho các chủ đầu tư, rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu sớm đưa công trình vào sử dụng đạt hiệu quả. Cùng với việc phân cấp trong đấu thầu, trách nhiệm của chủ đầu tư cũng được phân định rõ không còn đùn đẩy trách nhiệm giữa các đơn vị có liên quan khi xảy ra các tình huống cần xử lý. Tuy nhiên việc phân cấp mạnh trong lĩnh vực đấu thầu dễ dẫn đến việc lạm dụng quyền hạn của các chủ đầu tư, sự thông đồng khó kiểm soát giữa chủ đầu tư và các nhà thầu trong việc dàn xếp trúng thầu. Mặc dù theo báo cáo của các chủ đầu tư hiện nay công tác đấu thầu tại chủ đầu tư là tốt nhưng khó đánh giá cụ thể vì cơ quan thanh tra, kiểm tra công tác này còn mỏng.

3. Tình hình thực hiện Chỉ thị 494/CT-TTg ngày 20/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án sử dụng vốn Nhà nước và Chỉ thị 734/CT-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác quản lý đối với các gói thầu EPC

- Đối với việc thực hiện Chỉ thị 494/CT-TTg ngày 24/10/2010 của Thủ tướng Chính Phủ: Tỉnh Quảng Ngãi thực hiện nghiêm túc chỉ thị này, trong năm không có nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại địa phương. Trong quá trình thực hiện tỉnh luôn áp dụng các giải pháp:

+ Phân chia gói thầu có quy mô hợp lý, đảm bảo các điều kiện năng lực của Nhà thầu trong nước, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho các

doanh nghiệp trong nước nhận được hợp đồng, tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước.

+ Đối với đấu thầu mua sắm hàng hoá, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước không đáp ứng được yêu cầu của gói thầu hoặc trong nước chưa đủ khả năng sản xuất hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn ODA.

+ Đối với các gói thầu xây lắp, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng yêu cầu hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn ODA.

+ Các chủ đầu tư, bên mời thầu khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu chỉ cho phép sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước không đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu thực hiện gói thầu.

+ Không tổ chức đấu thầu quốc tế gói thầu EPC đối với các dự án trong đó có nhiều phần công việc mà các nhà thầu Việt Nam có thể tham gia cung cấp dịch vụ hàng hoá, xây lắp.

- Đối với việc thực hiện Chỉ thị 734/CT-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính Phủ: Tỉnh Quảng Ngãi thực hiện nghiêm túc chỉ thị này, trong năm tỉnh không có gói thầu phê duyệt kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo hình thức EPC.

4. Năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu

Các cán bộ tham gia quản lý công tác đấu thầu đều am hiểu Luật Đấu thầu và hầu hết đều có chứng chỉ tham gia các lớp tập huấn công tác đấu thầu. Các thành viên tham gia tổ chuyên gia xét thầu của chủ đầu tư đều có chứng chỉ tham gia các khóa học về đấu thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu.

Mặc dù đội ngũ tham gia hoạt động đấu thầu trong tỉnh đều đã qua đào tạo, bồi dưỡng các khóa ngắn hạn về công tác đấu thầu và hầu hết đều có chứng chỉ tham gia các lớp tập huấn công tác đấu thầu, tuy nhiên việc áp dụng vào thực tế còn nhiều vướng mắc đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ thực hiện công tác đấu thầu ở cấp cơ sở, các xã, phường, thị trấn hoặc các chủ đầu tư không thuộc lĩnh vực xây dựng.

Công tác đấu thầu qua mạng mới được tập huấn tại tỉnh 2 lần vào các năm 2013 và 2014 với số lượng tham dự khoảng 200 học viên nên đội ngũ để thực hiện công tác này là còn hạn chế.

5. Tình hình triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra về đấu thầu

Năm qua, UBND tỉnh Quảng Ngãi chưa tổ chức riêng đoàn thanh tra, kiểm tra về công tác đấu thầu. Việc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép chung trong công tác thanh tra các công trình xây dựng của Thanh tra tỉnh và Thanh tra các Sở, ngành. Riêng Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh, năm 2014 công tác kiểm tra đấu thầu được lồng ghép chung với công tác giám sát, đánh giá đầu

tư hiện trường của một số dự án trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện một số sai sót nhỏ và đã chỉ đạo hoặc kiến nghị chấn chỉnh.

6. Công tác giải quyết kiến nghị và tình hình xử lý vi phạm về đấu thầu

Trong năm 2014, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không có các kiến nghị về đấu thầu và xử lý vi phạm về đấu thầu.

7. Tổng hợp, đánh giá kết quả công tác đấu thầu trong năm 2014

a. Kết quả cụ thể:

Năm 2014, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 2.229 gói thầu các loại, với tổng giá trị trúng thầu là 2.732.556 triệu đồng, tỷ lệ tiết kiệm qua lựa chọn nhà thầu là 79.150 triệu đồng (2,81%).

(Có biểu phụ lục kèm theo)

b. Những tồn tại, hạn chế trong quản lý và thực hiện đấu thầu cần khắc phục và các kiến nghị:

Trong thời gian soạn thảo, ban hành các văn bản dưới Luật hướng dẫn thực hiện Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu hướng dẫn chi tiết hơn một số nội dung, cụ thể:

- Tại Điều 62- Luật Đấu thầu quy định: “Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu phải bao gồm cả chi phí cho các yếu tố rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, chi phí dự phòng trượt giá” nhưng không hướng dẫn cách tính chi phí cho các yếu tố rủi ro, đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung này để thực hiện.

- Tại Điều 35- Luật Đấu thầu quy định: “Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế”. Chi phí dự phòng quy định trên có phải là chi phí dự phòng trượt giá và dự phòng khối lượng?. Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu đối với các loại hợp đồng không phải trọn gói có bao gồm chi phí dự phòng hay không, đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung này để thực hiện.

- Quy trình giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được quy định tại Điều 92- Luật Đấu thầu: Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư, trường hợp không đồng ý cách giải quyết của chủ đầu tư sẽ tiếp tục gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền. Trường hợp nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến rất nhiều cấp, ngành... mà không thực hiện theo tuần tự như quy định của Luật Đấu thầu thì chủ đầu tư có bắt buộc phải giải quyết kiến nghị như quy định hay không?. Đề nghị hướng dẫn cụ thể nội dung này để thực hiện.

- Theo Điều 16-NĐ63/CP: Đối với gói thầu áp dụng phương thức đấu thầu 1 giai đoạn, 2 túi hồ sơ có 2 bước thẩm định, phê duyệt: Thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với các gói thầu thuộc dự án do Chủ

tịch UBND tỉnh làm chủ đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Điều 104, NĐ 63/CP) nhưng không quy định cơ quan nào thẩm định Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Đề nghị quy định cụ thể nội dung trên.

- Việc xác định quy mô gói thầu hợp lý còn các vướng mắc như: Giá trị gói thầu quá nhỏ hoặc quá lớn là bao nhiêu? Cơ sở xác định giá gói thầu là quá nhỏ hoặc quá lớn dựa vào đâu? Năng lực của nhà thầu có phải xét đến yếu tố năng lực của nhà thầu địa phương không hay chỉ xét mặt bằng chung toàn quốc? Số lượng nhà thầu bao nhiêu thì gọi là hạn chế số lượng tham gia? Các nội dung này cần định lượng bằng số lượng, tỷ lệ trên số doanh nghiệp địa phương hoặc toàn quốc để đỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đối với khối lượng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, cần quy định rõ khi nào thì được ký hợp đồng bổ sung, khi nào thì phải phân thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định. Thực tế có dự án khối lượng phát sinh rất lớn, có thể tách thành 1 gói thầu độc lập mà không ảnh hưởng đến sự đồng bộ của gói thầu đang thực hiện, nhưng theo quy định hiện hành thì chủ đầu tư và nhà thầu được phép ký hợp đồng bổ sung, chỉ khi không thỏa thuận được mới hình thành gói thầu để lựa chọn nhà thầu.

8. Tên và chức danh của cấp phó trực tiếp được giao chịu trách nhiệm về công tác đấu thầu:

Đồng chí Lê Quang Thích - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Quảng Ngãi phụ trách công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2014, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VPUB: C, PCVP; CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH Vy43.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

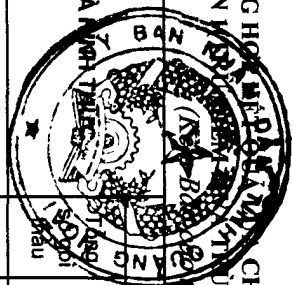


Lê Viết Chữ

PHỤ LỤC

Biểu 1

BÁO CÁO TỔNG HỢP MUA ĐẦU THẦU CHỌN NHÀ THẦU DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2014 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU (ĐIỀU 1, KHOẢN 1 VÀ ĐIỀU 17 CÁC ĐIỂM D, E, G TRONG TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẴM THƯỜNG XUYÊN), KHOẢN 2, KHOẢN 4)
 SỐ: 31 /BC-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi) DVT: Triệu đồng



L. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	DỰ ÁN NHÓM A (2)					DỰ ÁN NHÓM B (3)					DỰ ÁN NHÓM C (4)					CỘNG (2+3+4)				
	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch					
1. Phi tư vấn	2	1.039	1.034	5	6	3.578	3.473	105	96	2036	2029	7	104	6.653	6.536	12				
2. Tư vấn	13	3.263	3.263	0	34	58.550	57.682	868	1.150	70.076	69.322	754	1197	131.889	130.267	754				
3. Mua sắm hàng hóa					4	14.859	14.822	37	48	20.338	20.281	57	52	35.197	35.103	57				
4. Xây lắp và EPC	13	305.574	303.580	1994	30	839.610	835.987	3623	603	1.076.983	1.062.313	14.670	646	2.222.167	2.201.880	16.664				
5. Hỗn hợp									2	29	29	0	2	29	29	0				
Tổng cộng I	28	309.876	307.877	1.999	74	916.597	911.964	4.633	1.899	1.169.462	1.153.974	15.488	2.001	2.395.935	2.373.815	17.487				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Rộng rãi	Trong nước	7	299.763	297.812	1951	33	869.929	865.973	3956	55	386.293	375.359	10.934	95	1.555.985	1.539.144	12.885			
	Quốc Tế																			
2. Hạn chế	Trong nước								58	12.547	12.543	4	58	12.547	12.543	4				
	Quốc Tế																			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	16	2.457	2.448	9	39	42.303	41.726	577	1.732	722.524	718.119	4.405	1.787	767.284	762.293	4.414			
	Quốc Tế																			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	4	5.385	5.346	39				23	29.928	29.784	144	27	35.313	35.130	183				
	Quốc Tế																			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước								20	2.703	2.702	1	20	2.703	2.702	1				
	Quốc Tế																			
6. Tự thực hiện	Trong nước	1	2.271	2.271	0	2	4.365	4.265	100	11	15.467	15.467	0	14	22.103	22.003	0			
	Quốc Tế																			
7. Mua sắm đặc biệt	Trong nước																			
	Quốc Tế																			
8. Có sự tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước																			
	Quốc Tế																			
Tổng cộng II		28	309.876	307.877	1999	74	916.597	911.964	4.633	1.899	1.169.462	1.153.974	15.488	2.001	2.395.935	2.373.815	17.487			

PHỤ LỤC

Biểu 2

BẢO CÁNH AN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CÁC GÓI THẦU MUA SẮM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẮM THƯỜNG
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU (ĐIỀU 1 KHOẢN 1 ĐIỂM D VÀ CÁC ĐIỂM D,E,G)



Số Báo cáo số: **31** /BC-UBND ngày **27** tháng **02** năm **2015** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC					
1. Phi tư vấn					
2. Tư vấn		3	250	245	5
3. Mua sắm hàng hóa		188	332.900	271.695	61.205
	Tổng cộng I	191	333.150	271.940	61.210
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1. Rộng rãi	Trong nước	31	297.329	236.590	60.739
	Quốc tế				
2. Hạn chế	Trong nước				
	Quốc tế				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	106	14.401	14.383	18
	Quốc tế				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	37	12.008	11.778	230
	Quốc tế				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	17	9.412	9.189	223
	Quốc tế				
6. Tự thực hiện	Trong nước				
	Quốc tế				
7. Đặc biệt	Trong nước				
	Quốc tế				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước				
	Quốc tế				
	Tổng cộng II	191	333.150	271.940	61.210

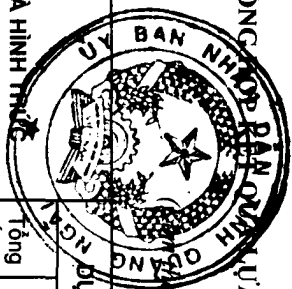
PHỤ LỤC

Biểu 4

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC CHỌN NHÀ THẦU DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2014 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU

Được Báo cáo số: 31 /BC-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

ĐVT: Triệu đồng



LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC ĐẦU THẦU	DỰ ÁN NHÓM A (2)				DỰ ÁN NHÓM B (3)				DỰ ÁN NHÓM C (4)				CỘNG (2+3+4)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá từng gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá từng gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá từng gói thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá từng gói thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																
1. Phí tư vấn																
2. Tư vấn					5	1.900	1.504	396					5	1.900	1.504	396
3. Mua sắm hàng hóa					3	2.670	2.651	19	1	97	97	0	4	2.767	2.748	19
4. Xây lắp					27	81.962	81.929	33	1	625	620	5	28	82.587	82.549	38
5. Hỗn hợp																
Tổng cộng I					35	86.532	86.084	448	2	722	717	5	37	87.254	86.801	453
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																
1. Rõ ràng																
					7	16.202	16.181	21					7	16.202	16.181	21
2. Hạn chế																
3. Chi định thầu																
					20	65.760	65.748	12	1	97	97	0	21	65.857	65.845	12
4. Chào hàng cạnh tranh																
					3	2.670	2.651	19	1	625	620	5	4	3.295	3.271	24
5. Mua sắm thực tế																
6. Tự thực hiện																
					5	1.900	1.504	396					5	1.900	1.504	396
7. Có sự tham gia thực hiện của cộng đồng																
Tổng cộng II					35	86.532	86.084	448	2	722	717	5	37	87.254	86.801	453